TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 418/2026/HNGĐ-ST;
Ngày: 04/9/2026.

Về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ấn
2. Ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Qui – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 603/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2026 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 410/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Nguyễn Trường G, sinh năm 1993.

CCCD số: 082093016027

Địa chỉ: ấp V, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Huỳnh Kim N, sinh năm 1993.

CCCD số: 082193006303

Địa chỉ: ấp N, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(anh G có mặt, chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn anh G trình bày:*

Anh và chị N tự nguyện tiến đến hôn nhân và tổ chức lễ cưới năm 2019, có đăng ký kết hôn, đến năm 2020 thì anh, chị thuận tình ly hôn, sau

đó hàn gắn tình cảm lại và đăng ký kết hôn lại vào ngày 18/4/2022 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp). Quá trình chung sống sau này cũng không được hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ, chồng không chung sống cùng nhà với nhau, mâu thuẫn kéo dài cho đến thời điểm xin ly hôn. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với chị N.

- Về con chung: anh, chị có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thiên L, sinh ngày 23/6/2019, hiện đang sống chung với chị N. Ly hôn, anh đồng ý để chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu và đồng ý cấp dưỡng cho cháu L hang tháng 3.000.000đ.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Huỳnh Kim N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị không đến Tòa án dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chỉ có giao nộp Bản tự khai ngày 18/8/2026 (không có ký tên), trong đó thể hiện nội dung chính *" không đồng ý ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng 5.000.000đ/tháng; tài sản chung, nợ chung xem xét"*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh G là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn.

Về con chung: anh G thống nhất để chị N nuôi dưỡng nên ghi nhận. Về cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận anh G tự nguyện cấp dưỡng 3.000.00đ/tháng

Về tài sản chung; nợ chung: không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: anh G khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị N, yêu cầu nuôi con chung, nên xác định đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn hiện cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Tháp; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – tỉnh Đồng Tháp.

Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh G, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân giữa anh G và chị N trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn; hôn nhân có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 18/4/2022, nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Anh G xin ly hôn với lý do bất đồng quan điểm sống về nơi ở của vợ, chồng nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng. chị N không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, anh, chị đã một lần ly hôn trước đó, sau đó anh chị hàn gắn lại và có đăng ký kết hôn, tuy nhiên thời gian chung sống sau này anh, chị cũng không hạnh phúc, do hai bên không sống chung một nhà, đến thời điểm hiện nay anh, chị cũng không giải quyết được, nên tình cảm cũng nhạt dần, giữa anh, chị không có biện pháp hàn gắn tình cảm, chị N cũng không đến Tòa án để giải quyết việc hôn nhân của mình, chứng tỏ chị cũng không quan tâm đến hạnh phúc vợ chồng. Như vậy, hôn nhân giữa anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận cho anh G được ly hôn với chị N.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Thiên L, sinh ngày 23/6/2019, hiện cháu đang sống chung với chị N. Khi ly hôn, anh, G đồng ý để chị N tiếp tục nuôi dưỡng, đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu L hàng tháng 3.000.000 đồng, chị N vắng mặt tại phiên tòa chưa có ý kiến. Xét thấy, đề nghị của anh G phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Trường hợp sau này có thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung thì anh G, chị N có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: anh G xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: anh G phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí do có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117; Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trường G. Cụ thể:

1. Cho anh Nguyễn Trường G được ly hôn với chị Huỳnh Kim N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Thiên L, sinh ngày 23/6/2019 cho chị Huỳnh Kim N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Trường G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Nguyễn Trường G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Huỳnh Thiên L, sinh ngày 23/6/2019 hàng tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: anh Nguyễn Trường G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí do có nghĩa vụ cấp dưỡng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0009144 ngày 02/6/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp; anh G phải nộp tiếp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí.

4. Về quyền kháng cáo: anh G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 36, 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Hòa, tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Đặng Văn Lắm